UBND HUYỆN TÂN YÊN **BAN CHỈ ĐẠO NTM HUYỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31.../BCĐ-NN V/v tăng cường chỉ đạo xây dựng NTM, năm 2019	*Tân Yên, ngày 06 tháng 3 năm 2019*

Kính gửi:
- Các ngành, thành viên BCĐ xây dựng NTM huyện;
- UBND các xã.

Thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 25/02/2019 của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện về xây dựng nông thôn mới năm 2019; Văn bản số 330/VPĐP-KHTH ngày 04/3/2019 của Văn phòng điều phối tỉnh về việc rà soát, đăng ký kế hoạch phấn đấu đạt huyện nông thôn mới năm 2020. Để công tác xây dựng NTM năm 2019 đảm bảo kế hoạch, làm cơ sở để huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM vào năm 2020, Trưởng Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện yêu cầu:

1. UBND các xã

Căn cứ kết quả và thực tế các tiêu chí đã đạt được của xã, tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của xã năm 2019. Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2019 cần xác định cụ thể nội dung thực hiện, nhu cầu kinh phí để duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt và thời gian hoàn thành các tiêu chí chưa đạt.

**** Đối với các xã đã đạt chuẩn NTM:*** Xây dựng kế hoạch duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí, đặc biệt là tiêu chí 2,6,17 và các tiêu chí mang tính biến động theo năm. Lựa chọn, đăng ký xây dựng 01 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2019 theo Hướng dẫn số 982/HD-SNN ngày 10/8/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang *(Có mẫu đính kèm).*

Riêng xã Quang Tiến, Liên Sơn xây dựng kế hoạch phấn đấu xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo bộ tiêu chí

**** Đối với các xã đăng ký đạt chuẩn năm 2019***: Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện đến từng chỉ tiêu tiêu chí chưa đạt (xác định rõ thời gian hoàn thành từng tiêu chí để đạt chuẩn); đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình NTM đã được phê duyệt.

Chủ động phối hợp với các ngành phụ trách tiêu chí thiết lập và hoàn thiện hồ sơ chứng minh tiêu chí đã hoàn thành (*Riêng xã Nhã Nam hoàn thành hồ sơ chứng minh tiêu chí thời gian xong trước tháng 4/2019*).

CHỮ KÝ SỐ
CQNN TỈNH BẮC GIANG
Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Tân Yên
Cơ quan: Tỉnh Bắc Giang
Thời gian ký: 05.03.2019 09:33:24 +07:00

**** Đối với các xã đạt chuẩn sau năm 2019 (Hợp Đức, Song Vân, Tân Trung, Cao Xá, Liên Chung):*** Rà soát kết quả thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 (tính đến hết năm 2018). Xây dựng kế hoạch thực hiện để phấn đấu đạt chuẩn trước Quý III năm 2020, trong đó tập trung vào tiêu chí chưa đạt (cần rà soát đến từng chỉ tiêu tiêu chí, xác định thời gian hoàn thành tiêu chí, nguồn vốn cần thực hiện, đề xuất kiến nghị).

Rà soát, lựa chọn, đăng ký thôn đạt chuẩn nông thôn mới (mỗi xã lựa chọn 1 thôn đạt chuẩn NTM vào năm 2019) theo quy định tại Quyết định 669/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh *(theo mẫu đính kèm).*

Kế hoạch của các xã gửi về c quan thường trực BCĐ NTM huyện (Phòng Nông nghiệp&PTNT) trước ngày **10/3/2019** để tổng hợp và báo cáo Chủ tịch UBND huyện theo quy định.

2. Các ngành thành viên BCĐ xây dựng nông thôn mới huyện

- Tích cực bám sát địa bàn được phân công phụ trách, chỉ đạo, đôn đốc các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019.

- Kiểm tra, hướng dẫn xã rà soát các chỉ tiêu tiêu chí, hoàn thiện hồ sơ tiêu chí đạt chuẩn theo quy định. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban chỉ đạo huyện về kết quả thẩm tra tiêu chí do ngành phụ trách. Chủ động phối hợp với Văn phòng điều phối NTM huyện để nắm bắt thông tin, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

- Chủ động phối hợp với các xã đạt chuẩn NTM sau năm 2019 rà soát tiêu chí do ngành phụ trách, giúp xã xây dựng kế hoạch thực hiện sát với tình hình thực tế và thời gian quy định.

Yêu cầu các ngành, thành viên Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện, UBND các xã nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận :
- Lưu: VT, NN&PTNT;

Bản điện tử:
- Như trên;
- TT HU, UBND huyện;
- VP ĐP NTM huyện;
- LĐVP, CV.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Dương Ngô Mạnh

Biểu số 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HẾT NĂM 201 CỦA XÃ.....

(Kèm theo Công văn số 61 /BCĐ-NTM ngày 06 /3/2019 của Ban Chỉ đạo NTM huyện)

Chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện		Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã			Ghi chú
				Kết quả đạt được dự kiến hết năm 2019	Kết quả hoàn thành nội dung	Tự đánh giá	
1	1.1	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Hoàn thành, chưa hoàn thành	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	1.2	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Hoàn thành, chưa hoàn thành	Đạt, không đạt		
2	2.1	Tỷ lệ km đường trục xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ôtô đi lại thuận tiện quanh năm	(80% đường xã, 100% đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo nền mặt đường rộng tối thiểu 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m; còn lại lu lèn đất cấp III trở lên).	Số lượng ...../.....km đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	2.2	Tỷ lệ km đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ôtô đi lại thuận tiện quanh năm	(70% cứng hóa bằng nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 5,0m mặt đường rộng tối thiểu 3,5m; TH hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thì thực hiện theo thực tế nhưng phải bố trí điểm tránh xe thuận lợi	Số lượng ...../.....km đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt		
	2.3	Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	60% cứng hóa bằng bê tông hóa, đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 3,0m; còn lại sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Số lượng ...../.....km đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt		
	2.4	Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Mặt đường lu lèn đất cấp III trở lên đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Số lượng ...../.....km đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt		
		Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	Số lượng ...../.....ha , đạt.....%	Đạt, không đạt		

3	3.1	Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa	≥50%	Số lượng ...../.....km đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	3.2	Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
4	4.1	Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	4.2	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	Đạt.....%	Đạt, không đạt		
5		Trường học (Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia)	≥70%	Số lượng: ...../.....trường đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
6	6.1	Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng quy hoạch diện tích, quy mô đúng theo tiêu chí	Diện tích 500m^2, chỗ ngồi 200	Diện tích .....m^2, chỗ ngồi	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
		Khu thể thao xã đạt chuẩn diện tích theo tiêu chí	2000 m^2	Diện tích m2,	Đạt, không đạt		
	6.2	Điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em của xã đảm bảo điều kiện, có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em	Đạt	Hoàn thành, chưa hoàn thành	Đạt, không đạt		
		Xã chưa có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em có thể sử dụng Trung tâm văn hóa- thể thao xã, thôn, nhưng phải có trang bị một số thiết bị tối thiểu phục vụ nhu	Đạt	Hoàn thành, chưa hoàn thành	Đạt, không đạt		
	6.3	Tỷ lệ thôn hoặc liên thôn có nhà văn hóa thôn phục vụ cộng đồng	100%	Số lượng: ...../.....NVH thôn đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt		
		Tỷ lệ thôn hoặc liên thôn có khu thể thao thôn phục vụ cộng đồng	100%	Số lượng: ...../.....KTT thôn đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt		

7		Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
8	8.1	Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	8.2	Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
	8.3	Xã có đài truyền thanh, hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
	8.4	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
9	9.1	Nhà tạm, dột nát	Không	Có, không	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	9.2	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	≥75%	Đạt.....%	Đạt, không đạt		
10		Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người)	Năm 2017: 36 tr	Đạt.....triệu	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
11		Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016-2020	≤12%	Đạt....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
12		Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90	Đạt....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không**	
13	13.1	Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	13.2	Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		

14	14.1	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	14.2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học	≥70%	Đạt.....%	Đạt, không đạt		
	14.3	Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%	Đạt.....%	Đạt, không đạt		
15	15.1	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	≥85%	Đạt....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	15.2	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
	15.3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤26,7%	Đạt.....%	Đạt, không đạt		
16		Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	Đạt.....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	17.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	≥95%	Đạt....%	Đạt, không đạt		
		Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định	≥50%	Đạt....%	Đạt, không đạt		

17	17.2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Số lượng ...../.....cơ sở đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	17.3	Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Hoàn thành, chưa hoàn thành	Đạt, không đạt		
	17.4	Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Hoàn thành, chưa hoàn thành	Đạt, không đạt		
	17.5	Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Hoàn thành, chưa hoàn thành	Đạt, không đạt		
	17.6	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%	Đạt....%	Đạt, không đạt		
	17.7	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%	Đạt....%	Đạt, không đạt		
	17.8	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Đạt....%	Đạt, không đạt		
18	18.1	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Số lương: ...../.....cán bộ đạt chuẩn, đạt.....%	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	18.2	Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
	18.3	Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
	18.4	Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	Đạt....%	Đạt, không đạt		
	18.5	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		

	18.6	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
19	19.1	Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt	**Đạt, không đạt**	
	19.2	Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên	Đạt	Đạt, không đạt	Đạt, không đạt		
Tổng số tiêu chí đạt							

Ghi chú: '- Các số liệu báo cáo cần căn cứ vào Đề án đã được phê duyệt hoặc rà soát thực trạng của địa phương

Biểu số 02: KẾ HOẠCH, NHU CẦU VỐN ĐỐI VỚI XÃ PHẤN ĐẤU ĐẠT CHUẨN NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số /BCĐ-NTM, ngày /3/2019 của Ban Chỉ đạo NTM huyện)

XÃ:.....

STT	Nội dung, tên tiêu chí cần thực hiện	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch vốn năm 2019						Ghi chú
				Tổng	NS TW, tỉnh	Huyện	Xã	Nhân dân	Vốn khác	
1	**Tiêu chí Giao thông**									
1.1	Cứng hóa đường trục xã từ a đến b	Km								
1.2	Cứng hóa đường ngõ xóm từ a đến b	Km								
1.3	.....									
2	**Tiêu chí Thủy lợi**									
2.1	Cứng hóa kênh mương từ a đến b	Km								
2.2	.....									
3	**Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa**									
3.1	Xây dựng trung tâm thể thao xã	Khu								
3.2	Xây dựng nhà văn hóa thôn.....	Nhà								
3.3	Xây dựng sân thể thao thôn.....	Khu								
3.4	.....									
4	**Tiêu chí Môi trường**									
4.1	Xây điểm thu gom rác thải	Điểm								
4.2	Xây dựng nghĩa trang	NT								
4.3	.....									
5	**Tiêu chí.....**									

Biểu 01

BIỂU RÀ SOÁT THỰC TRẠNG BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TẠI THÔN..... XÃ ..... HUYỆN.....

(Kèm theo Hướng dẫn số: 981 /HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Đạt chuẩn hoặc chưa đạt chuẩn (Đạt/Chưa)	Mức độ đạt được của tiêu chí*	Nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn				
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, trường hợp hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thì thực hiện theo thực tế nhưng phải bố trí điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến	100%			
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có điện chiếu sáng	100%			
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được xanh hóa (trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp)	≥ 50%			
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có rãnh thoát nước dọc hoặc đảm bảo thoát nước tốt không gây ứ đọng	100%			
		- Các tuyến đường trục thôn được giao cho các tổ chức đoàn thể hoặc hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ thường xuyên	Đạt			
		1.2. Đường ngõ, xóm				
		- 90% đường ngõ, xóm được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 2,5 m; còn lại mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	Đạt			
		- Tỷ lệ km đường ngõ xóm có điện chiếu sáng	≥ 90%			
		- Các tuyến đường ngõ, xóm được giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình để giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp	Đạt			
2	Vệ sinh môi trường	2.1. Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, từng hộ gia đình thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt			
		2.2. Có tổ vệ sinh môi trường hoạt động hiệu quả; rác thải được phân loại ngay từ hộ gia đình (rác hữu cơ - vô cơ); đổ rác đúng nơi và thời gian quy định, không có tình trạng vứt rác thải ra nơi công cộng; rác thải được thu gom, vận chuyển về nơi xử lý tập	Đạt			
		2.3. Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ thường xuyên được khơi thông, luôn sạch rác thải	Đạt			
		2.4. Hàng tuần tổ chức tối thiểu 01 lần làm vệ sinh chung toàn thôn (đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, chỉnh trang hàng rào, cây xanh ven đường)	Đạt			
		2.5. 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; 100% hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình "5 không, 3 sạch"	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Đạt chuẩn hoặc chưa đạt chuẩn (Đạt/Chưa)	Mức độ đạt được của tiêu chí*	Nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn
3	Phát triển sản xuất	3.1. Có tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm	Đạt			
		3.2. Có tối thiểu 10% số hộ trong thôn có mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm	Đạt			
		3.3. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 4%			
4	Nhà ở và vườn hộ gia đình	4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ				
		- Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt			
		- Các công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh) được bố trí hợp mỹ quan, gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt, thường xuyên được quét dọn vệ sinh sạch sẽ	Đạt			
		- Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở (không nằm ở 2 bên từ cổng vào nhà), có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học đảm bảo không có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường	≥ 90			
		- Đường vào nhà được cứng hóa hoặc đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, được quét dọn hàng ngày, khuyến khích dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị kinh tế, trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà	Đạt			
		4.2. Vườn hộ gia đình				
		- Vườn hộ gia đình có quy hoạch và trồng các cây trồng thích hợp phục vụ sinh hoạt, cảnh quan hoặc sản xuất hàng hóa cho thu nhập cao; không để diện tích bỏ hoang, thường xuyên phát dọn, không còn các loại cây dại, tạp	≥ 90			
		- Sản phẩm từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt			
5	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn	5.1. Nhà văn hóa thôn				
		- Nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch; có đủ bàn ghế, trang thiết bị phục vụ họp, văn hóa, văn nghệ; có công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn	Đạt			
		- Bên trong và khuôn viên nhà văn hóa thôn được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ; có quy chế quản lý, sử dụng nhà văn hóa thôn, có nội quy, quy ước, pano tuyên truyền nông thôn mới	Đạt			
		- Khuôn viên nhà văn hóa thôn có trồng cây xanh, cây bóng mát, hoa; nhà văn hóa thôn có tường rào, cổng, khuyến khích hàng rào bằng cây xanh, cây bóng mát hoặc hàng rào khác phủ cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Đạt chuẩn hoặc chưa đạt chuẩn (Đạt/Chưa)	Mức độ đạt được của tiêu chí*	Nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn
		5.2. Khu thể thao thôn				
		- Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch	Đạt			
		- Trồng cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp xung quanh khu thể thao thôn	Đạt			
		- Có trang bị dụng cụ luyện tập thể thao đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi				
6	Văn hóa, y tế	6.1. Văn hóa				
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa	≥ 95%			
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn văn hóa 05 năm liên tục đến năm xét, công nhận	Đạt			
		Có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên; tối thiểu 80% số hộ, hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào, hoạt động cộng đồng do địa phương phát động	Đạt			
		100% hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	Đạt			
		6.2. Y tế				
		- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	100%			
		- Không phát sinh thêm đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận	Đạt			
7	Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội	7.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 05 năm liên tiếp đến năm xét, công nhận	Đạt			
		7.2. Trong 02 năm liên tục (tính đến thời điểm xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu) an ninh trật tự được đảm bảo, không có vụ việc hình sự xảy ra, không có cá nhân hoạt động chống đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép, tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; có mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt			
		7.3. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân trong năm xét công nhận	Đạt			

Ghi chú:

(*): Nếu đã đạt chuẩn thì ghi đạt mức độ đạt tiêu chí 100%. Nếu chưa đạt chuẩn thì ước mức độ là bao nhiêu %.

BAN PHÁT TRIỂN THÔN **NGƯỜI LẬP BIỂU**

Biểu 02

KHUNG KẾ HOẠC XÂY DỰNG THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TẠI THÔN..... XÃ ..... HUYỆN.....

(Kèm theo Hướng dẫn số: 982/HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	Trong đó (Tr.đồng)						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
		1.1. Đường trục thôn												
1	Giao thông	- Số km đường trục thôn cần cứng hóa	Km	2	Tháng 10/2018	1000		100	300		300	300	Ông Nguyễn Văn A_Trưởng thôn	Ban Phát triển và nhân dân
		- Số km đường trục thôn cần tuyên truyền vận động người dân hiến đất đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 3,5m												
		- Số km đường trục thôn trong khu đông dân cư cần lắp điện chiếu sáng												
		- Số km đường trục thôn cần được xanh hóa (cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh cắt tỉa gọn đẹp)												
		- Số km mương thoát nước cần xây dựng, cải tạo để đảm bảo thoát nước												
		- Số tuyến đường giao thông cần giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình tự quản												
		1.2. Đường ngõ, xóm												
		- Số km đường ngõ, xóm cần cứng hóa												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
		- Số km đường ngõ, xóm cần tuyên truyền vận động người dân hiến đất đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 2,5m												
		- Số km đường ngõ xóm cần lắp điện chiếu sáng												
		- Số tuyến đường giao thông cần giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình tự quản												
2	Vệ sinh môi trường	- Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, từng hộ gia đình cần được vệ sinh sạch sẽ												
		- Thành lập tổ vệ sinh môi trường												
		- Số hộ cần thùng đựng rác để phân loại rác thải từ hộ gia đình												
		- Số thùng đựng rác để dọc tuyến đường												
		- Xây dựng khu thu gom rác tập trung												
		- Xóa bỏ điểm tồn lưu rác thải												
		- Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ cần được khơi thông												
		- Hàng tuần tổ chức tối thiểu 01 lần làm vệ sinh chung toàn thôn												
		- Số hộ gia đình cần tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường												
		- Số hội viên hội phụ nữ cần thực hiện hiệu quả cuộc vận động gia đình "5 không, 3 sạch"												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
3	Phát triển sản xuất	- Số mô hình cần xây dựng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm												
		- Số hộ cần xây dựng mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm												
		- Số hộ nghèo cần giảm trong năm												
4	Nhà ở và vườn hộ gia đình	4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ												
		- Số hộ cần sắp xếp đồ đạc, vật dụng trong nhà gọn gàng, ngăn nắp, khoa học												
		- Số công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh) cần di dời, xây dựng mới để đảm bảo hợp mỹ quan, gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt												
		- Số chuồng trại chăn nuôi cần di dời để đảm bảo cách xa nhà ở (không nằm ở 2 bên từ cổng vào nhà)												
		- Số chuồng trại chăn nuôi cần xây dựng hầm biogas hoặc chế phẩm sinh học sử lý mùi												
		- Số hộ cần được cứng hóa đường vào nhà; số hộ cần dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị kinh tế, trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
		4.2. Vườn hộ gia đình												
		- Số vườn hộ cần vẽ quy hoạch 2D, 3D												
		- Số hộ cần áp dụng tiến bộ KHKT												
		- Số hộ cần chỉnh trang, sắp xếp lại vườn hộ												
		- Số vườn hộ có sản phẩm từ vườn cần đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm												
5	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn	5.1. Nhà văn hóa thôn												
		- Nhà văn hóa thôn cần xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp												
		- Số bàn ghế, trang thiết bị phục vụ họp, văn hóa, văn nghệ cần mua, nâng cấp												
		- Công trình vệ sinh cần xây dựng đảm bảo sạch sẽ												
		- Số pano tuyên truyền về thôn nông thôn mới cần lắp đặt												
		- Số lượng giống cây bóng mát, hoa, cây xanh hoặc chậu hoa, bồn cây cần xây trồng tại nhà văn hóa thôn												
		- Tường rào, cổng nhà văn hóa thôn cần xây dựng												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
		5.2. Khu thể thao thôn												
		- Khu thể thao thôn cần xây dựng hoặc cải tạo nâng cấp												
		- Số lượng giống cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp cần trồng xung quanh khu thể thao thôn												
		- Số dụng cụ luyện tập thể thao cần trang bị												
6	Văn hóa, y tế	6.1. Văn hóa												
		- Số hộ gia đình cần đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa												
		- Số năm thôn cần đạt danh hiệu Thôn văn hóa												
		- Thành lập câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao												
		- Số hộ gia đình cần thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội												
		6.2. Y tế												
		- Số người dân cần tham gia BHYT												
		- Số người mắc bệnh xã hội cần giảm trong năm xét công nhận												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
7	Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội	- Số năm Chi bộ thôn cần đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh												
		- Số năm an ninh trật tự tại thôn cần được đảm bảo												
		- Thành lập mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự												
		- Số người dân cần chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân												

BAN PHÁT TRIỂN THÔN

NGƯỜI LẬP BIỂU

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Thôn ....., xã ....., huyện.....

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn
I	**QUY HOẠCH**					
1	Thực hiện Quy hoạch	Thực hiện đúng, đủ các nội dung theo Quy hoạch nông thôn mới của xã ở thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		Đạt		
II	**HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI**					
2	Đường Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được trải nhựa hoặc bê tông đạt chuẩn	%	≥ 75		
		2.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	%	100% (70% cứng hóa bê tông)		
		2.3. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, không lầy lội, xe cơ giới đi lại thuận tiện	%	≥ 60		
		2.4. Tỷ lệ km đường trên địa bàn thôn có trồng cây xanh (trừ tuyến đường đi qua rừng, các thôn có cây ăn quả tập trung, hiện trạng đường không có lề đường để trồng cây)	%	≥ 50		
3	Thủy lợi	Tỷ lệ km kênh mương của thôn được kiên cố hóa đảm bảo tưới tiêu	%	≥ 60		
4	Điện	4.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	%	100		
		4.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, ngõ xóm trong khu đông dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng	%	≥ 85		
5	Cơ sở vật chất văn hóa	5.1. Nhà văn hóa thôn				
		- Có nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch		Đạt		

		- Thu hút người dân tham gia hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên	%	Theo vùng		
		- Hệ thống loa truyền thanh đảm bảo tất cả các hộ gia đình trong thôn nghe được	%	100		
		5.2. Khu thể thao thôn				
		'- Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch		Đạt		
		- Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên	%	Theo vùng		
		- Trồng cây xanh quanh khu thể thao thôn		Đạt		
6	Nhà ở và các công trình phụ trợ	6.1. Không có nhà tạm, nhà dột nát		Đạt		
		6.2. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng	%	≥ 85		
		6.3. Hộ gia đình có các công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, chuồng trại chăn nuôi...) sắp xếp ngăn nắp, hợp mỹ quan, thuận tiện sinh hoạt, hợp vệ sinh		Đạt		
III	**KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT**					
7	Thu nhập	7.1. Năm 2015: 22 triệu đồng/người/năm (20 triệu đồng/người/năm đối với thôn thuộc huyện miền núi)	Triệu đồng	Theo vùng		
		7.2. Năm 2020: 40 triệu đồng/người/năm (35 triệu đồng/người/năm đối với thôn thuộc huyện miền núi)		Theo vùng		
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Theo vùng		
9	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động	%	≥ 90		
10	Phát triển sản xuất	10.1. Có ít nhất 01 mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đạt hiệu quả		Đạt		
		10.2. Có một trong các hình thức tổ chức sản xuất: HTX, Tổ hợp tác, Tổ liên kết sản xuất hoạt động có hiệu quả		Đạt		

IV	**VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG**					
11	Văn hóa	11.1. Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn văn hóa liên tục từ 05 năm trở lên		Đạt		
		11.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa	%	≥ 85		
		11.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	%	100		
		11.4. Giữ gìn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, lễ hội, thể thao truyền thống và bản sắc văn hóa của địa phương		Đạt		
12	Giáo dục	12.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Có phong trào khuyến học, khuyến tài		Đạt		
		12.2. Không có học sinh bỏ học ở các cấp học (trừ học sinh học THPT), học sinh xếp loại học lực yếu (đối với cấp học có xếp loại), học sinh vi phạm pháp luật		Đạt		
		12.3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	%	≥ 85		
13	Y tế	13.1. Có tối thiểu 01 nhân viên y thế thôn được đào tạo theo chương trình do Bộ Y tế quy định, thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao		Đạt		
		13.2. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	≥ 70		
		13.3. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	Theo vùng		
14	Môi trường	14.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh	%	≥ 95		
		14.2. Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ gia đình đảm bảo yêu cầu xanh-sạch-đẹp; thường xuyên phát quang hành lang đường giao thông		Đạt		

		14.3. Có hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải tại khu dân cư thông thoát, hợp vệ sinh		Đạt		
		14.4. Có tổ vệ sinh môi trường thu gom rác thải tối thiểu 01 lần/tuần, có điểm tập kết rác thải chung; định kỳ hàng tháng tổ chức tổng vệ sinh chung toàn thôn		Đạt		
		14.5. Các cơ sở sản xuất kinh doanh (chăn nuôi, chế biến thực phẩm, sản xuất nghề tiểu thủ công nghệ, buôn bán phế liệu) có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận, có cam kết không gây ô nhiễm môi trường		Đạt		
		14.6. Nghĩa trang xây dựng theo quy hoạch và thực hiện theo quy chế quản lý nghĩa trang		Đạt		
V	**HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**					
15	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội	15.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 02 năm liên tiếp (năm trước đánh giá và năm đánh giá)		Đạt		
		15.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		15.3. Thôn và các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội trong thôn có kết quả xếp loại đạt từ mức khá hoặc tương đương mức khá trở lên (là mức xếp loại thứ hai xét từ cao xuống thấp).		Đạt		
16	An ninh trật tự	Thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" trong 02 năm liên tiếp theo quy định của Bộ Công an		Đạt		